

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Kè chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng Thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2489/TTr-STNMT ngày 30 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Kè chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

Stt	Vị trí	Giá đất theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
A	ĐẤT Ở VÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP		



I	Thửa đất tiếp giáp đường hoặc khác thửa nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp Lộ Vòng Cung (đoạn từ ranh phường An Bình - cầu Trường Tiền)		
I.1	Đoạn (0 - 50m)		
01	Đất ở	2.500.000	10.000.000
02	Đất Nông nghiệp		
2.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	154.000	4.000.000
2.2	Đất trồng cây hàng năm (CHN)	132.000	3.978.000
I.2	Đoạn >50m tiếp theo của thửa đất mặt tiền hoặc khác thửa nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp mặt tiền; thửa đất không tiếp giáp đường nhưng vẫn nằm trong thâm hậu 50m		
01	Đất ở	1.000.000	4.000.000
02	Đất Nông nghiệp		
2.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	140.000	1.800.000
2.2	Đất trồng cây hàng năm (CHN)	120.000	1.780.000
II	Thửa đất tiếp giáp hoặc khác thửa nhưng cùng chủ sử dụng với thửa đất tiếp giáp hẻm tại Lộ Vòng Cung (đoạn từ ranh phường An Bình - cầu Trường Tiền) (đoạn 0 - 50m)		
01	Đất ở	400.000	3.200.000
02	Đất Nông nghiệp		
2.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	140.000	1.500.000
2.2	Đất trồng cây hàng năm (CHN)	120.000	1.480.000
III	Thửa đất không tiếp giáp đường và đoạn >50m của thửa đất tiếp giáp hẻm tại Lộ Vòng Cung		
01	Đất ở	400.000	2.500.000
02	Đất Nông nghiệp		
2.1	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	140.000	1.400.000
2.2	Đất trồng cây hàng năm (CHN)	120.000	1.380.000
B	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP		
I	Đất thương mại dịch vụ được tính theo tỷ lệ 80% nhân với đơn giá đất ở cụ thể có cùng khu vực, vị trí, tuyến đường được thể hiện ở Phần A.		
II	Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ được tính theo tỷ lệ 70% nhân với đơn giá đất ở cụ thể có cùng khu vực, vị trí, tuyến đường được thể hiện ở Phần A.		
III	Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa thì xác định theo giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất thương mại, dịch vụ) được tính theo tỷ lệ 70% nhân với đơn giá đất ở cụ thể có cùng khu vực, vị trí, tuyến đường được thể hiện ở Phần A.		

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, PCT UBND TP (1ACD);
- VP UBND TP (3B);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, KH. *u*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hè

